TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-03-2019.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà.**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm gia phiên tòa: Ông **Ngô Văn Điện –** Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 547/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Tấn Đ** – sinh năm: 1992 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**– sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Phú N, xã Trung Thành Đ, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Tấn Đ trình bày:

Vào năm 2014 chị Đ và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, do mai mối, có tổ chức đám cưới, được cha mẹ hai bên thừa nhận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đ.

Sau ngày cưới vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ chồng tại ấp Phú N, xã Trung Thành Đ, huyện Vũng L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh T không quan tâm chị Đ nên cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt không hạnh phúc. Chị Đ và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: chị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến ngày 26 tháng 12 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: anh T đồng ý ly hôn với chị Dương Tấn Đ.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ngày 27/12/2018, niêm yết giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T đúng 07 giờ 30 phút ngày 15/01/2019 có mặt tại tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng anh T vắng mặt không lý do.

- Ngày 16/01/2019, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T đúng 07 giờ 30 phút ngày 12/02/2019 có mặt tại tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng anh T vắng mặt không lý do.

Anh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử .

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến*** về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình .

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T thống nhất xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: chị Dương Tấn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).
- Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Ngày 12/02/2019 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đúng 07 giờ 30 phút ngày 28/02/2019 có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không lý do. Ngày 28/02/2019 niêm yết Quyết định hoãn phiên toà; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đúng 07 giờ 30 phút ngày 15/03/2019 có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không lý do.

Xét thấy, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, theo qui định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về hôn nhân**: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị Đ trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không hợp tính tình, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt

nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến ly thân. Tại phiên tòa chị Đ vẫn giữ yêu cầu ly hôn, tại bảng khai ý kiến anh T đồng ý ly hôn với chị Đ.

Chị Đạt và anh Tới thống nhất thuận tình ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về nuôi con chung**: Chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về tài sản chung của vợ chồng và các khoản nợ phải thu, phải trả**: Chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** chị Dương Tấn Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng và các khoản nợ phải thu, phải trả:

Chị Dương Tấn Đ và anh Nguyễn Văn T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Tấn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) về việc giải quyết hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009388 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Dương Tấn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Thành Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường